

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp,

di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 65/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 24/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */s*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, N6. */s*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



/s
Đương Mah Tiệp

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về thời tiết nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn khu vực khai thác.

3. Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải, hồ chứa quặng đuôi (kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động); thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định.

4. Rào chắn xung quanh khu vực khai thác đất, đá; cấm biển cảnh báo nơi nguy hiểm có nguy cơ sạt, trượt không cho người dân qua lại.

5. Tổ chức tuần tra, canh gác khu vực khai thác; khi phát hiện nguy cơ sạt, trượt lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác. Xử lý tình huống sạt, trượt ngay từ giờ đầu bảo đảm an toàn người lao động và phương tiện, thiết bị; báo cáo cơ quan thẩm quyền và Ủy ban nhân dân cấp xã để được hỗ trợ.

6. Xây dựng phương án giằng néo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

7. Trước thời điểm mùa mưa lũ hằng năm, tổ chức phá bỏ đường thi công, san lấp mặt bằng đối với khu khai thác cát, sỏi nhằm bảo đảm thông thoáng dòng chảy trên sông; thu dọn đất, đá thải tại khu vực sườn dốc, khu vực có nguy cơ sạt lở; rà soát, thực hiện việc dừng hoạt động khai thác khoáng sản theo quy

định, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và yêu cầu bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai. Đối với khu vực phía Đông tỉnh, các nội dung nêu trên phải hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

8. Đối với khu vực sườn dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá; vùng thấp trũng thường ngập lũ: sơ tán cán bộ, người lao động; di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị đến nơi an toàn khi nhận cảnh báo bão, mưa lớn, lũ lụt, sạt lở đất.

9. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và khắc phục sự cố về môi trường sau bão, mưa lớn, ngập lũ theo hồ sơ khai thác.

10. Có các biện pháp phòng, chống các sự cố, chủ động về lực lượng, phương tiện để sẵn sàng tham gia ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra (nhất là vào mùa mưa bão). Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

4. Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

5. Kiểm tra và có kế hoạch duy tu, bảo trì, nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão; có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

6. Kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị thiên tai.

7. Tổ chức khắc phục thiệt hại ban đầu về nhà cửa, công trình cấp nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị sớm khôi phục sản xuất và đời sống nhân dân.

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến thời tiết để có các biện pháp gia cố, giảm chống bảo đảm an toàn cơ sở vật chất, có phương án bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo an toàn cho người lao động và khách du lịch; đồng thời, chủ động thực hiện việc ngừng tiếp nhận phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra thiên tai, chủ động sơ tán lao động và du khách khỏi khu vực ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

3. Kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất và có biện pháp gia cố, giảm chống bảo đảm an toàn công trình, cơ sở hạ tầng, cắt tỉa cây xanh trong khuôn viên; chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết để bảo đảm an toàn cho người lao động và du khách.

4. Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng thấp trũng, ven sông phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho khách du lịch và tài sản trước khi có gió mạnh hoặc nước dâng.

Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu công nghiệp, khu kinh tế

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình trong khu công nghiệp để chủ động ứng phó phù hợp.

3. Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai nhằm bảo đảm an toàn cho người lao động, công trình, hạng mục công trình khi có các tình huống thiên tai xảy ra.

4. Trước mùa mưa bão hằng năm, rà soát và thực hiện các biện pháp gia cố, giảm chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc), tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có thiên tai. Kiểm tra các thiết bị điện, đèn chiếu sáng, biển báo và hạ tầng kỹ thuật khác để đảm bảo an toàn trong mùa mưa, bão.

5. Chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không bảo đảm an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ, công nhân viên, người lao động trong đơn vị.

Điều 8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai để thông báo, hướng dẫn người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giảm chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

4. Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

5. Cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, sườn dốc; các khu vực thường xảy ra lũ quét, lũ ống; chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho người dân và tài sản khi có thiên tai.

6. Tổ chức khắc phục thiệt hại ban đầu về nhà cửa, công trình đê kè, cấp nước sạch, giao thông nông thôn, sớm khôi phục đời sống và sản xuất nhân dân.

Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

3. Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

a) Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

c) Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể; phân công trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

e) Bảo đảm nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện việc thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

b) Kiểm tra việc thực hiện đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

c) Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

đ) Chủ động bố trí, lồng ghép trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

b) Báo cáo hiện trạng hạng mục công trình hạ tầng, các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý trước ngày 20 tháng 3 hằng năm để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.